

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 13 - 8 - 2020

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Đinh Huy Lưỡng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tử Lượng

Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Chinh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/HN&GDPT ngày 05 tháng 6 năm 2020.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã S1, huyện B, tỉnh Lào Cai

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị K, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Q, xã S1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn, chị Phạm Thị K, sinh năm 1987.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị K kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã S1, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sinh sống với nhau tại gia đình bố mẹ đẻ chị K tại xã S1, huyện N được 01 năm. Sau đó, do công việc nên anh chị chuyển về quê anh S tại xã S1, huyện B, tỉnh Lào Cai sinh sống. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nảy sinh nhiều bất đồng, không thống nhất được nơi ở. Chị K thì muốn về N để ở cùng bố mẹ nhưng anh S lại muốn ở Lào Cai để tiếp tục công việc. Vì vậy, dẫn đến việc hai vợ chồng xảy ra va chạm và không tìm được tiếng nói chung. Tháng 10 năm 2019, chị K đã dẫn theo 2 con về sinh sống tại xã S1, huyện N và anh chị ly thân từ đó đến nay. Anh S xác định mâu thuẫn giữa anh và chị K là trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên anh xin ly hôn với chị K để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị K có hai con chung là các cháu: Nguyễn T1, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2011 và cháu Nguyễn L, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2013. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị K. Sau ly hôn, anh S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn T1 còn cháu Nguyễn L thì để cho chị K trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ngày 26/2/2020 chị Phạm Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị K như anh S trình bày trên là đúng. Theo chị K, vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân của những mâu thuẫn vợ chồng là do anh S có tính gia trưởng, anh chị có quan điểm sống khác nhau. Sau khi kết hôn, anh chị chủ yếu sinh sống tại xã S1, huyện N chỉ có dịp hè và Tết anh chị và các con mới về Lào Cai chơi. Năm 2019, anh S không sinh sống cùng chị K mà về trên Lào Cai sinh sống. Vì vậy, chị K cùng hai con sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị tại xã S1, huyện N từ đó đến nay. Nay anh S xin ly hôn chị K nhất trí ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị K cũng xác định chị và anh S có 02 con chung là các cháu Nguyễn T1, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2011 và cháu Nguyễn L, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2013. Hiện nay các cháu đang ở với chị. Nguyện vọng của chị sau ly hôn là tiếp tục được nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai cháu. Chị K không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi hai con chung. Chị K cho rằng chị có thu nhập và có sự hỗ trợ giúp đỡ của bố mẹ đẻ nên đủ điều kiện nuôi dạy hai cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Nguyễn T1 tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/2/2020 và

cháu Nguyễn L thể hiện tại Biên bản lấy lời khai 26/3/2020:

Nguyên vọng của cháu Lâm và cháu Hùng nếu bố mẹ các cháu là anh S và chị K được giải quyết ly hôn, thì các cháu xin được tiếp tục ở với mẹ là chị K vì các cháu cho rằng các cháu đang ở với mẹ ổn định và muốn cả hai anh em được ở cùng nhau.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình: Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu án phí Tòa án. Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị K.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn T1, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2011 (hiện đang ở với chị K) cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Giao cháu Nguyễn L, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2013 (cháu hiện nay đang ở với chị K) cho chị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh S phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000^d. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d anh S đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ly hôn số AA/2018/0000384 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, chị Phạm Thị K là bị đơn đã có đơn kháng cáo về phần nuôi con chung của bản án sơ thẩm số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao cả hai cháu là Nguyễn T1 và Nguyễn L cho chị K chăm sóc và nuôi dưỡng và chị không đề nghị anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Với lý do, cháu Nguyễn T1 có nguyện vọng được ở với mẹ là chị K vì cháu sợ bố. Từ trước đến nay, cháu Lâm ở với mẹ và chưa xa mẹ ngày nào và chị K là người trực tiếp lo toan chăm sóc cháu những lúc đau ốm. Cháu hiện đang đi học tại trường Tiểu học S1. Hai anh em cháu học cùng trường và các cháu không muốn tách nhau; Bản thân chị K cũng có thu nhập ổn định từ việc buôn bán và có bố mẹ hỗ trợ trong việc chăm sóc và có đủ điều kiện để chăm sóc các cháu.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Về nội dung: Sau khi phân tích các điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung của anh S và chị K nguyện vọng của các cháu. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị K, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình về phần nuôi con chung. Giao chị K trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn T1 và cháu Nguyễn L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Anh Nguyễn Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Án phí dân sự phúc thẩm chị K không phải chịu, trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị K đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị K làm và nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên Tòa án tiến hành việc xét xử phúc thẩm phần bản án có kháng cáo theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị K như sau:

Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm chị Phạm Thị K đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng giao cả hai cháu Nguyễn T1 và cháu Nguyễn L cho chị K chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành theo nguyện vọng của các cháu. Không yêu cầu anh Nguyễn Thanh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con nghĩa vụ, quyền của mỗi bên khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Tại phiên tòa hôm nay, anh S và chị K không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh S và chị K có hai con chung là cháu Nguyễn T1, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2011 và cháu Nguyễn L, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2013. Về điều kiện nuôi con của anh S và chị K. Cả hai đều chưa có chỗ ở riêng đều sống chung với gia đình hai bên. Về thu

nhập anh S là cán bộ kỹ thuật có thu nhập ổn định hàng tháng là 15.400.000 đồng. Chị K là lao động tự do, thu nhập dựa vào bán hàng ăn sáng, bán xổ số, và quản lý nhà nghỉ có thu nhập 400.000 đồng/ngày. Tại thời điểm ly hôn anh S và chị K đều có sức khỏe và đạo đức tốt, có đủ điều kiện để về mọi mặt để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Xem xét nguyện vọng của các cháu, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với chị K. Tuy nhiên, chị K là lao động tự do, có thu nhập thấp hơn anh S nếu giao cả hai cháu cho chị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu. Đối với Nguyễn L, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2013, cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc, chỉ bảo, giúp đỡ thường xuyên của người mẹ nên giao cháu Nguyễn L cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Nguyễn L. Đối với cháu Nguyễn T1 là con trai, hiện tại cháu 09 tuổi cần sự hỗ trợ, giúp đỡ thường xuyên của người bố nên giao cháu Nguyễn T1 cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Nguyễn T1. Các tài liệu do chị K cung cấp ở cấp phúc thẩm được xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay và kết quả tranh tụng tại phiên tòa khẳng định phán quyết của cấp sơ thẩm giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp với quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Do đó, yêu cầu kháng cáo của chị K không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình trái với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị K không được chấp nhận nên chị K phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ: Điều 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị K theo đơn kháng cáo ngày 15/5/2020.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Thị K phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số

AA/2018/0000484 ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Bình. Chị Phạm Thị K đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 13 tháng 8 năm 2020.

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại Hà nội;
- Tòa án nhân dân huyện N;
- Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đinh Huy Lưỡng